TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST Ngày: 26-3-2025 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Được

2. Ông Nguyễn Trung Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Trí là thư ký của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại hai điểm cầu: Điểm cầu Trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang. Điểm cầu thành phần tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã N, huyện C. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 98/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Hoàng T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Bị đơn: Anh Kim H, sinh năm 1991.Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị Hoàng T trình bày: Vào năm 2011 do mai mối chị và anh Kim H được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục và đến ngày 22/02/2011 vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C. Sau khi vợ chồng cưới nhau thời gian đầu sống với nhau rất hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu

thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong đời sống hằng ngày, thường xuyên cự cãi với nhau, anh Kim H không quan tâm đến vợ con. Đầu năm 2023 anh Kim H bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Trong khoảng thời gian vợ chồng không sống chung với nhau thì vợ chồng cũng không tạo điều kiện hàn gắn lại với nhau, bỏ mặc nhau mạnh ai nấy sống. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Kim H.

- Về con chung: Có hai con chung tên Kim Thái N, sinh ngày 28/01/2012 và Kim Thị Hồng T1, sinh ngày 10/3/2014 hiện con do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Theo như đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh Kim H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị không yêu cầu anh Kim H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Kim H trình bày: Vào năm 2011 anh và chị Thạch Thị Hoàng T tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C vào ngày 22/02/2011. Thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp thường xuyên cự cãi, không ai quan tâm đến ai và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai cũng không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm lại với nhau. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Thạch Thị Hoàng T.

- Về con chung: Có hai con chung tên Kim Thái N, sinh ngày 28/01/2012 và Kim Thị Hồng T1, sinh ngày 10/3/2014 hiện con do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị T và anh Kim H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi và đã ly thân, từ khi ly thân thì cả hai bỏ mặc, không quan tâm đến tình cảm vợ chồng. Từ khi Tòa án thụ lý và tiến hành mở phiên hòa giải đoàn tụ nhưng anh Kim H đều vắng mặt và anh Kim H có ý kiến trình bày đồng ý ly hôn với chị T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét

xử áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Kim H. Về con chung: Có hai con chung tên Kim Thái N, sinh ngày 28/01/2012 và Kim Thị Hồng T1, sinh ngày 10/3/2014, từ khi sống ly thân cháu N và cháu T1 sống chung với chị T và được chị chăm sóc chu đáo về mọi mặt và hai cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị T được quyền nuôi con chung là cháu Kim Thái N, sinh ngày 28/01/2012 và Kim Thị Hồng T1, sinh ngày 10/3/2014. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả chị T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Thạch Thị Hoàng T và anh Kim H tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28; 35; 36 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Kim H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Kim H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Hoàng T và anh Kim H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C vào ngày 22/02/2011 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị T và anh Kim H là hợp pháp. Theo lời trình bày của chị Thạch Thị Hoàng T thì chị và anh Kim H kết hôn vào năm 2011 cho đến năm 2023 thì vợ chồng sống ly thân do tính tình không hợp, thường xuyên cải vả, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin ly hôn với anh Kim H và anh Kim H có ý kiến thống nhất ly hôn với chị T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Kim H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy cả hai thống nhất ly hôn nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thạch Thị Hoàng T là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Chị T và anh Kim H có hai con chung tên Kim Thái N, sinh ngày 28/01/2012 và Kim Thị Hồng T1, sinh ngày 10/3/2014 hiện chị T đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân chị T là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho các con phát triển bình thường và được đi học đầy đủ, mặt khác cháu N và cháu T1 có nguyện vọng được ở cùng mẹ và anh Kim H cũng thống nhất theo nguyện vọng của các con. Xét thấy việc giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ được chăm sóc chu đáo về mọi mặt nhằm tạo điều kiện cho các con có cuộc sống ổn định phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần sau này. Căn cứ Điều

81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con cho chị T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị Thạch Thị Hoàng T và anh Kim H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Thạch Thị Hoàng T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4, Điều 6 và Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Hoàng T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Hoàng T được ly hôn với anh Kim H.

2. Về con chung: Chị Thạch Thị Hoàng T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Kim Thái N, sinh ngày 28/01/2012 và Kim Thị Hồng T1, sinh ngày 10/3/2014 khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thạch Thị Hoàng T không yêu cầu anh Kim H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị Thạch Thị Hoàng T và anh Kim H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Thạch Thị Hoàng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng

theo biên lai thu số 0011144, ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Chị Thạch Thị Hoàng T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Trần Ngọc Hùng Anh